TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày: 26-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNHAN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khiêng Sóc

Bà Chế Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Bà Néang Ly– Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-DS ngày 21-01-2019 về "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp An Thạnh, xã Lê Trì, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

Bà Trần Thị H, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp An Thành, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V trình bày: Vào năm 2016 bà V cho ông Võ Văn S và bà Trần Thị H vay tiền nhiều lần, vốn và lãi với tổng số tiền 400.000.000 đồng, sau đó ông S, bà H trả được

208.000.000 đồng và hai bên có làm biên nhận vào ngày 27-12-2018 còn nợ lại số tiền 192.000.000 đồng, không tính lãi và hẹn đến ngày 08-1-2019 trả hết, nhưng đến nay không trả. Nay yêu cầu ông Võ Văn S và bà Trần Thị H số tiền 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09-1-2019 đến thời điểm Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Võ Văn S và bà Trần Thị H thừa nhận có vay tiền nhiều lần của Nguyễn Thị Bích V tổng cộng vốn và lãi số tiền 400.000.000 đồng, sau đó vợ chồng ông S, bà H trả được 208.000.000 đồng và hai bên có làm biên nhận vào ngày 27-12-2018 còn nợ lại của và V số tiền 192.000.000 đồng, không tính lãi và hẹn đến ngày 08-1-2019 trả, nhưng do hoàn cảnh khó khăn không trả được. Nay ông S, bà H đồng ý trả cho bà V số tiền 192.000.000 đồng và lãi suất, xin hẹn khi nào bán được nhà sẻ trả. Đối với khoản tiền vốn và lãi mà ông, bà đã trả trước đây cho bà V, ông bà không yêu cầu Tòa án tính lại.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Võ Văn S và bà Trần Thị H phải trả số tiền 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09-1-2019 đến thời điểm Tòa án xét xử.

Ông Võ Văn S xin được vắng mặt tại phiên tòa theo lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông S thừa nhận còn nợ của bà V số tiền 192.000.000 đồng và lãi suất, xin hẹn khi nào bán được nhà trả.

Bà Nguyễn Thị H thừa nhận còn nợ của bà V số tiền 192.000.000 đồng, xin không trả lãi suất và xin hẹn khi nào bán được nhà trả.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Việc chấp hành của nguyên đơn, bị đơn đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận thấy: Bà V, ông S và bà H đều thừa nhận đến thời điểm hiện nay vợ chồng ông S, bà H còn nợ bà V 192.000.000 đồng, ông S, bà H đồng ý trả số tiền trên, không yêu cầu xem xét lại phần tiền vốn và tiền lãi mà vợ chồng ông, bà đã trả cho bà

V. Về việc yêu cầu vợ chồng ông S, bà H trả số tiền 192.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Về khoản tiền lãi, do bà V cho vợ chồng ông S, bà H vay không tính lãi, đến thời hạn trả ông, bà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 09-1-2019 đến thời điểm xét xử theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với việc vợ chồng ông S, bà H xin không tính lãi và hẹn bán được nhà sẻ thanh toán cho bà V, không được bà V đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và do bị đơn ông Võ Văn S và bà Trần Thị H có nơi cư trú tại xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Võ Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ nhất để tham gia phiên tòa, ông S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Võ Văn S.

[3] Về nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Bích V và ông Võ Văn S, bà Trần Thị H đều thừa nhận hai bên có tham gia giao dịch vay tiền, theo đó vào năm 2016 ông S, bà H có vay tiền của bà V vốn và lãi với tổng số tiền 400.000.000 đồng, sau đó ông S, bà H trả được 208.000.000 đồng. Còn lại số tiền 192.000.000 đồng hai bên làm biên nhận vào ngày 27-12-2018 hẹn đến ngày 08-1-2019, không tính lãi suất. Nay ông S, bà H thừa nhận còn nợ lại của bà V số tiền 192.000.000 đồng, ông S, bà H đồng ý trả số tiền 192.000.000 đồng cho bà V. Từ sự thừa nhận của các bên đủ cơ sở để xác định các bên có thỏa thuận để xác lập hợp đồng vay tài sản, xét thấy sau khi ông S, bà H vay tiền của bà V, ông S, bà H đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho bà V, nhưng do vi phạm về thời gian bà V khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn S, bà Trần Thị H phải trả số tiền vốn vay 192.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Võ Văn S, bà Trần Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích V số tiền

192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà ông S, bà H không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền vốn và lãi đối với giao dịch trước đây, do vậy Hội đồng xét xét xử đặt ra xem xét.

Việc bà V yêu cầu ông S, bà H trả tiền lãi từ thời điểm ngày 09-1-2019 đến ngày xét xử là ngày 26-4-2019. Xét thấy ông Võ Văn S, bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên bà V yêu cầu ông S, bà H trả số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09-1-2019 đến thời điểm xét xử ngày 26-4-2019 là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà V yêu cầu ông S, bà H trả khoản tiền lãi từ ngày 9-1-2019 đến ngày xét xử là ngày 26-4-2019 là 3 tháng 17 ngày, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi được quy định 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng), cụ thể tiền lãi được tính như sau: Tiền vốn gốc 192.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 3 tháng 17 ngày = 5.683.840 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà ông Võ Văn S, bà Trần Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích V là: Vốn gốc 192.000.000 đồng + tiền lãi là 5.683.840 đồng = 197.683.840 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

Đối với yêu cầu xin không trả lãi và hẹn khi nào bán nhà được thì trả tiền vốn của ông S, bà H. Bà V không đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông S, bà H.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Bích V được chấp nhận nên bà V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Võ Văn S, bà Trần Thị H phải chịu 5% án phí đối với số tiền mà bà V yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích V đối với ông Võ Văn S, bà Trần Thị H.

Buộc ông Võ Văn S và bà Trần Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích V số tiền vốn 192.000.000 đồng và tiền lãi 5.683.840 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là: 197.683.840 ((một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Về án phí: Ông Võ Văn S và bà Trần Thị H phải nộp 9.884.192 đồng (chín triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn một trăm chín mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bích V được nhận lại 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà bà V đã nộp theo biên lai thu số 0001936 ngày 18-1-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS Huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Nữ Ngọc Lan